

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương

Ông Trần Thế Sự

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Cao Thị C, sinh năm 1986; nơi ĐKTT: Tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Ngõ 116 đường Đ, tổ dân phố N, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Khánh H, sinh năm 1982; nơi ĐKTT: Tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Ngõ 116 đường Đ, tổ dân phố N, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 26-4-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cao Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Khánh H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng ngày 27-11-2008. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống với nhau tại khu tập thể Công đoàn, tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

Trong quá trình chung sống, đến khoảng cuối năm 2021, chị và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau, không còn sự tôn trọng nhau do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong chi tiêu tiền bạc, phát triển kinh tế gia đình cùng với việc anh H sống không có trách nhiệm với vợ con. Chị đã khuyên anh H nhiều lần để cùng nhau chung sống thuận, nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả, từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn H hợp hạnh phúc, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Từ khoảng tháng 9-2022, tuy chị và anh H sống chung cùng một nhà nhưng không còn có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Đến tháng 3-2023 khi Khu tập thể Công đoàn bị phá dỡ xây dựng khu cao tầng mới, vợ chồng chị đã ra thuê nhà ở tại Ngõ 11 đường Đình Đào, tổ dân phố Nam Đào, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn để ở. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn nên từ tháng 6-2024, chị đã cùng con gái chuyển về gia đình bố mẹ đẻ chị ở xã Tuyên Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng sinh sống, hai bên bỏ mặc nhau, không quan tâm và có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Đến nay, chị thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 12-7-2010. Từ khi chị và anh H sống ly thân với nhau, cháu P ở với chị, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị làm công nhân tại Công ty TNHH Fong Ho, tại khu Công nghiệp Đ, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng, có thu nhập là 10.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con nên khi ly hôn, chị nhận tiếp tục được nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28-8-2024, bị đơn là anh Nguyễn Khánh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận nội dung trình bày của chị C về thời gian, điều kiện kết hôn; con chung và tài sản chung. Anh trình bày thêm, trong quá trình chung sống giữa anh và chị C thường xảy ra mâu thuẫn xích mích, cãi nhau, có lời lẽ thiếu tôn trọng nhau do vợ chồng có tính cách, lối sống khác biệt nhau, không có sự chia sẻ và thông cảm cho công việc của nhau, thiếu niềm tin vào nhau về kinh tế dẫn đến cuộc sống đôi bên mệt mỏi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không còn H hợp, hạnh phúc. Từ năm 2022 đến nay, anh và chị C đã sống ly thân nhau, không còn trách nhiệm vợ chồng với nhau. Nay, chị C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh thấy tình cảm giữa anh và chị C không thể níu kéo được nữa, thời gian sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn chị C.

- Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 12-7-2010. Từ khi anh và chị C sống ly thân nhau, cháu P ở với chị C, cuộc sống ổn định. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị C nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh tự thỏa thuận với chị C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Từ khoảng cuối năm 2021, chị C và anh H thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau do anh chị tính

cách, lối sống khác nhau, không thống nhất trong chi tiêu sinh hoạt gia đình dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn H thuận, hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2022 đến nay, chị C và anh H đã sống ly thân, bỏ mặc nhau, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Trong thời gian chị C và anh H sống ly thân, cháu P ở cùng chị C được chị C chăm sóc chu đáo. Hiện nay, chị C có công việc, có thu nhập ổn định. Chị C có nguyện vọng được nuôi cháu P sau khi chị C và anh H ly hôn, anh H cũng đồng ý giao con cho chị C nuôi.

Chị C và anh H đều đề nghị Tòa án không tiến hành H giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành H giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không thể tiến hành H giải được theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành H giải được. Anh H vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị C với anh Nguyễn Khánh H; giao con chung Nguyễn Thị Minh P cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Khánh H, nơi ĐKTT: Tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Ngõ 116 đường Đ, tổ dân phố N, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị C và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 27-11-2008. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Sau khi kết hôn, từ năm 2022 đến nay cuộc sống chung của chị C và anh H không còn hoà thuận, hạnh phúc, do chị C và anh H thiếu niềm tin vào nhau, không tin tưởng nhau về kinh tế; không có sự hợp tác về tính cách và lối sống. Chị C và anh H đã sống ly thân, mỗi người một nơi, bỏ mặc nhau, mặc dù đã được gia đình H giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị C và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 12-7-2010. Xét thấy, trong khoảng thời gian chị C và anh H sống ly thân, cháu P chung sống ổn định cùng chị C, được chăm sóc chu đáo; chị C có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con. Nên cần tiếp tục giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị C và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị C và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị C và anh H đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Cao Thị C được ly hôn anh Nguyễn Khánh H.

2. Về nuôi con chung: Chị Cao Thị C và anh Nguyễn Khánh H có một con chung là Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2010. Khi ly hôn, giao con chung Nguyễn Thị Minh P cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị C và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi chị C và anh H có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006547 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị C và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường N, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai Hương Trần Thế Sự

Bùi Xuân Vinh

